

Bản án số: 96/2025/ HNGĐ -ST

Ngày: 04 – 3 – 2025

“V/v ly hôn giữa
bà B và ông P”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tác

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thái Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 652/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Hà Thị B, sinh năm 1983, (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: tổ D, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0354. 676. 203

2. *Bị đơn:* ông Trần Vũ P, sinh năm 1987, (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: S, tổ B, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hà Thị B trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: thông qua mai mối năm 2016 bà và ông Trần Vũ P đồng ý kết hôn, vài tháng sau bà và ông P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 04/01/2017. Vợ chồng sống bình thường, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp về quan điểm sống,

không quan tâm nhau, từ tháng 01/2018 đến nay bà và ông P ly thân, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn, hiện tại bà đã có chồng khác và có con. Nay, bà yêu cầu ly hôn ông P để làm giấy khai sinh cho con riêng của bà với người chồng sau.

+ Nuôi con chung: không có.

+ Về chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025 bà Hà Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/01/2025 của Tòa án, ông Trần Vũ P (là bị đơn) trình bày:*

Ông thống nhất với lời khai trên của bà B về thời gian mai mối và đăng ký kết hôn. Qua trình ông và bà B chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã do mâu thuẫn về tiền bạc và sinh hoạt gia đình. Sau đó ông không nhớ thời gian nào bà B bỏ đi ở nhà chị ruột của bà, ông có đến gặp bà B để hàn gắn nhưng không thành, ông biết được bà B có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác và có con riêng, từ đó đến nay ông và bà B ly thân. Nay, bà B yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

+ Nuôi con chung: không có.

+ Về chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025 ông Trần Vũ P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hà Thị B đối với ông Trần Vũ P theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; về nuôi con chung, chia tài sản và nợ chung không có, nên không đề cập; về án phí, bà B phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Hà Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Vũ P, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà B và ông P đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà B và ông P.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của bà B và ông P là hợp pháp, vì có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét tình trạng hôn nhân của ông bà thấy rằng, hai bên có mâu thuẫn và có thời gian dài ly thân, không hàn gắn, hiện tại bà B đã có chồng khác và có con riêng, bà B yêu cầu ly hôn, ông P đồng ý ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa bà B và ông P.

[2.2] Về nuôi con chung, chia tài sản và nợ chung không có, Tòa án không đề

cập.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, bà B phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Hà Thị B và ông Trần Vũ P.
2. Nnười con chung: không có.
3. Chia tài sản và nợ chung: không có.
4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Hà Thị B phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0011615 ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.
5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND xã Phú An, H. Phú Tân, AG
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Tác - Nguyễn Thị Kim Chi

Hồ Thị Kim Phương